

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CAO VŨ

ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ TỈNH TUYÊN QUANG
GIAI ĐOẠN 1999 -2009

Chuyên ngành: Địa lí học

Mã số: 60.31.05.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC ĐỊA LÍ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG

THÁI NGUYÊN, 2014

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn “**Đặc điểm dân số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2009**” được thực hiện từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 4 năm 2014.

Tôi xin cam đoan:

Luận văn sử dụng những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, các thông tin đã được chọn lọc, phân tích, tổng hợp sử lý và đưa vào luận văn theo đúng quy định.

Kết quả nghiên cứu trong luận văn này hoàn toàn trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2014

Tác giả

Cao Vũ

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn tốt nghiệp này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình, quý báu của thầy cô, đồng nghiệp, gia đình, bạn bè. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS Dương Quỳnh Phương - người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo tận tình và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy cô giáo khoa Địa lý - Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên đã trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ cho tôi trong suốt quá trình học tập cũng như hoàn thành đề tài tốt nghiệp. Tôi cũng xin được cảm ơn Ban giám hiệu, Khoa sau đại học, các phòng ban của Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên, thư viện trường và Trung tâm học liệu Đại Học Thái Nguyên đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

Tôi xin chân thành cảm ơn Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Tuyên Quang, cục Thống kê và các cơ quan ban ngành khác trong tỉnh đã nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp, hỗ trợ thông tin, tư liệu cho đóng góp nhiều ý kiến cho việc nghiên cứu và thực hiện đề tài này.

Để hoàn thành luận văn này, tôi luôn nhận được sự động viên, giúp đỡ từ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới những người luôn ủng hộ, chia sẻ và đồng hành cùng tôi.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2014

Tác giả luận văn

Cao Vũ

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục.....	iii
Danh mục từ và thuật ngữ viết tắt.....	iv
Danh mục bảng thống kê.....	v
Danh mục hình.....	vi
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ.....	9
1.1. Cơ sở lý luận.....	9
1.1.1. Các khái niệm và tiêu chí đánh giá.....	9
1.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới đặc điểm dân số.....	20
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	25
1.2.1. Đặc điểm dân số Việt Nam giai đoạn 1999 – 2009.....	25
1.2.2. Đặc điểm dân số vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 1999 – 2009.....	33
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1.....	34
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ TỈNH TUYẾN QUANG.....	35
2.1. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu.....	35
2.1.1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ.....	35
2.1.2. Điều kiện tự nhiên.....	37
2.1.3. Trình độ phát triển kinh tế.....	41
2.1.4. Trình độ văn hóa, giáo dục và y tế.....	44
2.1.5. Cơ sở hạ tầng.....	46
2.2. Đặc điểm dân số.....	48
2.2.1. Quy mô dân số.....	48
2.2.2. Gia tăng dân số.....	49
2.2.3. Cơ cấu dân số.....	60
2.2.4. Phân bố dân cư và đô thị hóa.....	73

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	77
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DÂN SỐ CỦA TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2020	78
3.1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển	78
3.1.1. Quan điểm.....	78
3.1.2. Mục tiêu	79
3.1.3. Định hướng phát triển dân số.....	80
3.2. Các giải pháp nhằm ổn định dân số, nâng cao chất lượng dân cư.....	82
3.2.1. Thực hiện tốt chính sách Dân số - KHHGD để giảm gia tăng dân số tự nhiên, ổn định qui mô và cơ cấu dân số.....	82
3.2.2. Nhóm giải pháp về kinh tế.....	96
3.2.3. Nhóm giải pháp về xã hội	99
3.2.4. Giải pháp về môi trường	103
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	104
KẾT LUẬN	105
TÀI LIỆU THAM KHẢO	107

DANH MỤC TỪ VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

TT	Từ, thuật ngữ viết tắt	Giải nghĩa từ, thuật ngữ viết tắt
1	<i>ASFR_x</i>	<i>Tỉ suất sinh đặc trưng theo tuổi</i>
2	<i>CBR</i>	<i>Các tỉ suất sinh</i>
3	<i>CBR</i>	<i>Tỉ suất sinh thô</i>
4	<i>CDR</i>	<i>Tỉ suất chết thô</i>
5	<i>CSSKSS/KHHGD</i>	<i>Chăm sóc sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình</i>
6	<i>DS-KHHGD</i>	<i>Dân số kế hoạch hóa gia đình</i>
7	<i>GDP</i>	<i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>
8	<i>GDP/người</i>	<i>Thu nhập bình quân đầu người</i>
9	<i>GRR</i>	<i>Tỉ suất tái sinh sản nguyên</i>
10	<i>IMR</i>	<i>Tỉ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi</i>
11	<i>LR</i>	<i>Tỉ số người lớn biết chữ</i>
12	<i>NMR</i>	<i>Tỉ suất gia tăng cơ học</i>
13	<i>NRR</i>	<i>Tỉ suất tái sinh sản tịnh</i>
14	<i>PGR</i>	<i>Tỉ suất gia tăng dân số PGR</i>
15	<i>RNI</i>	<i>Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên RNI</i>
16	<i>SR</i>	<i>Tỉ số giới tính</i>
17	<i>TDMNBB</i>	<i>Trung du miền núi phía Bắc</i>
18	<i>TFR</i>	<i>Tổng tỉ suất sinh</i>

DANH MỤC BẢNG THỐNG KÊ

Bảng 1.1. Cơ cấu dân số trẻ và già	16
Bảng 1.2. Tuổi thọ trung bình và tỉ suất tử vong của trẻ sơ sinh	28
giai đoạn 1989 - 2009	28
Bảng 1.3. Cơ cấu dân số Việt Nam theo nhóm tuổi giai đoạn 1979 - 2009	28
Bảng 1.4. Tỉ số phụ thuộc của nước ta, giai đoạn 1989 – 2009	28
Bảng 1.5. Diện tích và dân số theo các vùng KT-XH nước ta, năm 2010	31
Bảng 1.6. Qui mô dân số vùng Trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 1999 - 2010	33
Bảng 2.1. Diện tích và các đơn vị hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2012.....	37
Bảng 2.2. Biến động sử dụng đất đai tỉnh Tuyên Quang từ năm 1999- 2012.....	39
Bảng 2.3. GDP/người tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 – 2012 (giá thực tế).....	43
Bảng 2.4. Mạng lưới y tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 – 2012.....	45
Bảng 2.5 Dân số tỉnh Tuyên Quang so với cả nước và TDMNPB 1999 - 2009.....	48
Bảng 2.6 Qui mô và gia tăng dân số theo huyện/thành phố giai đoạn 1999- 2012	49
Bảng 2.7 Tổng tỉ suất sinh tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 1999 - 2012	49
Bảng 2.8. Tỉ suất sinh đặc trưng theo tuổi của phụ nữ Tuyên Quang năm 1999 và 2009	51
Bảng 2.9 Tỉ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên của Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2009	52
Bảng 2.10. Mức sinh tỉnh Tuyên Quang theo thành thị và nông thôn năm 2009	53
Bảng 2.11. Tỉ suất tử thô của tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 1999 - 2009	55
Bảng 2.12. Tuổi thọ bình quân năm 2009 phân theo huyện, thành phố.....	57
Bảng 2.13. Tỉ suất nhập cư, xuất cư và di cư thuần của Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2009....	58
Bảng 2.14. Tỉ lệ giới tính và tỉ số giới tính tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2009 .	60
Bảng 2.15. Sự khác biệt cơ cấu giới tính theo huyện, thành phố	61
Bảng 2.16. Tỷ số giới tính khi sinh theo huyện/thành phố giai đoạn 1999 - 2009	62
Bảng 2.17. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đặc trưng tỉnh Tuyên Quang năm 1999 và 2009	64
Bảng 2.18. Tỷ số phụ thuộc của tỉnh Tuyên Quang năm 1999 và 2009	64
Bảng 2.19. Chỉ số già hóa của tỉnh Tuyên Quang, năm 1999 và 2009	65
Bảng 2.20. Nguồn lao động và dân số hoạt động kinh tế của tỉnh Tuyên Quang năm 1999 - 2009 và năm 2012	66
Bảng 2.21. Cơ cấu trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kĩ thuật của lực lượng lao động năm 1999 và 2009	66

Bảng 2.22. Cơ cấu lao động theo khu vực và loại hình kinh tế tỉnh Tuyên Quang năm 1999 và 2009	67
Bảng 2.23. Tỷ lệ nhập học các cấp của tỉnh Tuyên Quang năm 2009	69
Bảng 2.24. Tỷ trọng dân số từ 15 tuổi trở lên theo trình độ CMKT năm 2009	69
Bảng 2.25. Dân số và cơ cấu các dân tộc tỉnh Tuyên Quang năm 1999 và 2009	70
Bảng 2.26. Cơ cấu các dân tộc theo huyện, thành phố năm 2009	71
Bảng 2.27. Mật độ dân số chia theo huyện/thành phố năm 1999 và 2009	75
Bảng 2.28. Dân số và cơ cấu dân số tỉnh Tuyên Quang theo thành thị và nông thôn giai đoạn 1999 - 2009	76
Bảng 2.29. Dân số, số dân thành thị và tỷ trọng dân số thành thị theo huyện/thành phố năm 1999 và 2009	77
Bảng 3.1. Một số chỉ tiêu chính về sức khỏe của tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020	81

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy mô dân số Việt Nam giai đoạn 1990 - 2010	26
Hình.1.2 Tổng tỉ suất sinh (TFR) nước ta giai đoạn 1999 - 2010.....	27
Hình 1.3. Tỉ suất sinh thô (CBR) của nước ta giai đoạn 1999 - 2010	27
Hình 1.4. Tháp dân số Việt Nam, năm 1999 và 2009.....	29
Hình 1.5. Tỉ số giới tính nước ta giai đoạn 1979 - 2010.....	29
Hình 1.6. Tỉ số giới tính của các vùng kinh tế - xã hội năm 2010.....	30
Hình 1.7. Tỉ số giới tính khi sinh của nước ta giai đoạn 1979 - 2009	30
Hình 1.8. Mật độ dân số các vùng nước ta, năm 2010.....	32
Hình 1.9. Tỉ lệ dân thành thị nước ta, 1979 - 2009, dự báo đến năm 2025	32
Hình 2.1 Bản đồ hành chính tỉnh Tuyên Quang	36
Hình 2.2. Qui mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế Tuyên Quang, giai đoạn 1999 - 2012..	41
Hình 2.3: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2012.....	42
Hình 2.4. Qui mô dân số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2012.....	48
Hình 2.5. Tổng tỉ suất sinh của tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2012.....	50
Hình 2.6. CBR tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2010	50
Hình 2.7. Tỉ suất tái sinh sản nguyên và tỉ suất tái sinh sản tịnh của tỉnh Tuyên Quang , vùng TDMNPB và cả nước năm 2009	52
Hình 2.8. Tỉ suất tử thô của tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 1999 - 2012	54
Hình 2.9. IMR tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 1999 - 2012.....	56
Hình 2.11. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1999 - 2012.....	57
Hình 2.12. Bản đồ quy mô và gia tăng dân số tỉnh Tuyên Quang	59
Hình 2.13. Tháp dân số tỉnh Tuyên Quang năm 1999 và 2009	63
Hình 2.14. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành giai đoạn 1999 - 2009	68
Hình 2.15. Cơ cấu dân tộc tỉnh Tuyên Quang năm 1999 và năm 2009	71
Hình 2.16. Phân bố dân cư và đô thị hoá tỉnh Tuyên Quang năm 1999 - 2009..	74

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Dân số là trung tâm của quá trình tái sản xuất xã hội, là nhân tố góp phần quan trọng thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nước ta giai đoạn 2011 – 2020, Đảng ta đã khẳng định: *“Phát triển con người phải được coi là chiến lược trung tâm của Việt Nam”*. Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng và hết sức quan tâm đến công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình nhằm phát triển ổn định, kiểm soát qui mô, tốc độ gia tăng dân số và coi đây là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội quan trọng. Nghị quyết số 04-NQ/HNTW của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 đã chỉ rõ: *“Công tác DS-KHHGD là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của nước ta, là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội”*. Pháp lệnh dân số cũng đã xác định: *“Dân số là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước”*. Trải qua hơn 50 năm nỗ lực phấn đấu, công tác DS-KHHGD đã gặt hái được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt trong giảm mức sinh và nâng cao tuổi thọ, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuyên Quang là tỉnh nằm ở khu vực Trung du miền núi phía Bắc, có vị trí quan trọng về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng đối với vùng Đông Bắc, vùng Tây Bắc và Đồng bằng sông Hồng. Tuyên Quang là tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống. Trong những năm qua, cùng với cả nước, Tuyên Quang đã triển khai sâu rộng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, chương trình Dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe nhân dân và đã thu được những kết quả khả quan. Nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng cuộc sống của người dân từng bước được nâng cao, tỉ lệ gia tăng dân số giảm, chất lượng dân số được cải thiện. Tuy nhiên, các kết quả đạt được vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, Tuyên Quang đang phải đối mặt với nhiều thách thức.

Chính vì vậy, nghiên cứu đặc điểm dân số tỉnh Tuyên Quang là vô cùng cần thiết nhằm phát hiện, phân tích những khó khăn, thách thức trong vấn đề dân số ở hiện tại và tương lai, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng nguồn